

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**BỘ TÀI CHÍNH - BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 120/2014/TTLT-BTC-BKHCN

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2014

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn quản lý tài chính đối với **Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 1051/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Điều lệ về Tổ chức và hoạt động của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn quản lý tài chính đối với Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn quản lý tài chính đối với Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia (sau đây gọi tắt là “Quỹ”); không bao gồm việc hướng dẫn quản lý tài chính đối với các hoạt động tín dụng về cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn của Quỹ. Các nội dung hướng dẫn về cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn của Quỹ được thực hiện theo hướng dẫn riêng của liên Bộ Tài chính và Khoa học và Công nghệ.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Việt Nam và tham gia quản lý Quỹ.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý tài chính của Quỹ

1. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có chức năng cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn, hỗ trợ vốn cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, chuyển giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ.

2. Quỹ là đơn vị sự nghiệp phục vụ quản lý nhà nước trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, được hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản riêng. Đến thời điểm Quỹ thực hiện chức năng về các hoạt động tín dụng (cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn), liên Bộ Tài chính và Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, xem xét và thống nhất các nội dung liên quan đến mô hình tổ chức tài chính nhà nước của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 2 Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

3. Quỹ thực hiện nghĩa vụ thuế và được hưởng chính sách ưu đãi về thuế đối với các hoạt động tài chính của Quỹ trong lĩnh vực chuyển giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ theo quy định của các Luật thuế và các văn bản pháp luật hiện hành.

4. Quỹ được tự chủ về tài chính theo quy định đối với tổ chức tài chính nhà nước và thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản đúng mục đích, hiệu quả phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động của Quỹ; hàng năm hướng dẫn, kiểm tra, xem xét và phê duyệt dự toán, quyết toán nguồn ngân sách nhà nước, hoạt động thu, chi tài chính hàng năm của Quỹ và tổng hợp trong báo cáo quyết toán hàng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định hiện hành.

3. Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VỐN

Điều 4. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn từ ngân sách nhà nước

a) Vốn điều lệ của Quỹ là 1.000.000.000.000 đồng (một nghìn tỷ đồng) do ngân sách nhà nước về hoạt động khoa học, công nghệ cấp. Quỹ được cấp vốn bổ sung hàng năm từ ngân sách nhà nước để đạt tổng mức vốn điều lệ của Quỹ.

Căn cứ tình hình hoạt động cụ thể của Quỹ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định tăng vốn điều lệ của Quỹ sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

b) Quỹ được sử dụng đến 50% vốn ngân sách nhà nước cấp để thực hiện các hình thức hỗ trợ lãi suất vay, cho vay ưu đãi, bảo lãnh để vay vốn.

2. Vốn khác:

a) Vốn huy động từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước;

b) Vốn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

c) Lãi cho vay từ các dự án vay vốn của Quỹ;

d) Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 5. Nguyên tắc sử dụng và bố trí vốn cho Quỹ

1. Vốn của Quỹ được sử dụng để tài trợ, cho vay đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, quy định tại Thông tư này và đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích.

2. Nội dung của nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ không được trùng lặp với các nhiệm vụ, dự án đã hoặc đang thực hiện bằng nguồn vốn của Quỹ hoặc nguồn vốn khác của Nhà nước.

3. Quỹ được sử dụng nguồn vốn điều lệ được cấp trong thời gian nhàn rỗi, chưa sử dụng tài trợ, cho vay để gửi tại các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn cho Quỹ nhưng phải đảm bảo an toàn.

4. Hàng năm, Quỹ thực hiện cân đối nguồn vốn và nhu cầu vốn, thực hiện kế hoạch hóa các nguồn vốn:

a) Quỹ chủ động vận động và tiếp nhận các nguồn vốn ngoài ngân sách và nguồn vốn khác theo quy định của Quỹ và các quy định có liên quan của Nhà nước;

b) Quỹ thực hiện cân đối nguồn vốn và nhu cầu vốn ngân sách nhà nước cấp để tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Quỹ mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và mở tài khoản giao dịch tại các ngân hàng thương mại theo quy định. Quỹ được bố trí và cấp vốn bổ sung hàng năm từ ngân sách nhà nước để đạt tổng mức vốn điều lệ của Quỹ theo dự toán ngân sách nhà nước, các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước.

6. Đối tượng chi, nội dung chi, mức chi từ nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và các quy định tại Thông tư này.

7. Vốn hoạt động và tài sản của Quỹ phải được sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả theo các phương thức tài trợ của Quỹ. Việc giám sát, kiểm tra, thanh tra việc sử dụng vốn và tài sản của Quỹ được thực hiện theo các quy định hiện hành về chi ngân sách nhà nước.

8. Quỹ được phép chuyển vốn dư trong năm tài chính sang năm tài chính kế tiếp.

Điều 6. Lập và phê duyệt kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ

1. Hàng năm vào thời điểm xây dựng dự toán Giám đốc Quỹ lập kế hoạch tài chính của Quỹ bao gồm các nội dung:

a) Dự kiến số dư nguồn vốn Ngân sách Nhà nước, kế hoạch thu hồi vốn cho vay, thu hồi lãi vay, dự kiến kế hoạch huy động từ các nguồn khác;

b) Kế hoạch tài trợ, cho vay, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn từ nguồn vốn Ngân sách nhà nước và ngoài nguồn vốn Ngân sách nhà nước;

c) Kế hoạch chi thường xuyên của bộ máy quản lý Quỹ;

d) Kế hoạch bổ sung vốn từ Ngân sách nhà nước.

2. Giám đốc Quỹ gửi kế hoạch tài chính của Quỹ cho Ban Kiểm soát, Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ thẩm định, thông qua và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước gửi Bộ Tài chính theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Nhà nước bố trí và cấp phát vốn ngân sách cấp hàng năm cho Quỹ đảm bảo theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

4. Giám đốc Quỹ lập báo cáo quyết toán tài chính của Quỹ gửi Ban kiểm soát, Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ thẩm định và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt để gửi Bộ Tài chính theo đúng quy định quản lý tài chính.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI TRỢ CỦA QUỸ

Điều 7. Tài trợ cho các dự án nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao của doanh nghiệp; sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới; chuyển giao, hoàn thiện, sáng tạo công nghệ để sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia

Quỹ thực hiện tài trợ cho việc thực hiện các dự án nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao của doanh nghiệp; sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới; chuyển giao, hoàn thiện, sáng tạo công nghệ để sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia do các tổ chức, cá nhân đề xuất, bao gồm:

1. Tài trợ tối đa 100% tổng kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học; quyền sở hữu, quyền sử dụng công nghệ; quyền đối với giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, tài liệu kỹ thuật, thông tin sở hữu trí tuệ; sản phẩm mẫu để phân tích và giải mã công nghệ theo hợp đồng đã ký kết; tìm kiếm thông tin về công nghệ, bí quyết công nghệ; thuê chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài.

2. Tài trợ kinh phí thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm theo Thông tư số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 của liên Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

3. Tài trợ tối đa đến 50% công lao động cho cán bộ khoa học, nhân viên kỹ thuật trực tiếp thực hiện nội dung xây dựng các phần mềm máy tính; thử nghiệm, phân tích, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm đến khi hoàn thành sản phẩm lô số không.

4. Tài trợ tối đa đến 30% kinh phí mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, thiết bị đo kiểm, phân tích trong quá trình thử nghiệm và sản xuất sản phẩm lô số không của dây chuyền công nghệ. Đối với các Dự án trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) tài trợ tối đa đến 70% kinh phí.

5. Tài trợ tối đa 30% tổng kinh phí của hợp đồng chuyển giao công nghệ cho các nội dung trong hợp đồng có liên quan đến:

- a) Sáng chế, quyền sở hữu công nghiệp, thông tin, bí quyết kỹ thuật;
- b) Kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu;
- c) Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ;
- d) Mua sắm, nhập khẩu máy móc thiết bị chuyên dụng trong nước chưa sản xuất được phục vụ cho chuyển giao công nghệ;
- d) Chuyên gia tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo.

Đối với dự án chuyển giao công nghệ phục vụ cho bảo vệ sức khỏe con người và phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, dự án chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục các tổ chức hành chính thuộc vùng khó khăn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) được tài trợ tối đa đến 70% tổng kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ.